TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:142/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 16-9-2024
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Đặng Ngọc Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Ngô Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 215/2024/HNST ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXX - ST ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Toà ngày 05-9-2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm:1982

Địa chỉ: A N, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nông Thiết C, sinh năm 1982

Địa chỉ: A X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị Nguyễn Thị Thu T có những yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nông T1 C đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V vào ngày 17-01-2011, trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của chị T, anh C hạnh phúc và có với nhau 02 người con; cháu Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và cháu Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011.

Qua thời gia chung sống vợ chồng chị T, anh C phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh C không còn đồng cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuân chị T cho biết do anh C thường xuyên ăn nhậu và có quan hệ ngoài vợ chồng với người phụ nữ khác; hiện chị T, anh C đã sống ly thân nhau. Chị T cùng hai con cư trú sinh sống tại A N, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; anh C cư trú sinh sống tại A đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nay chị T cho rằng không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nông Thiết C, sinh năm 1982; về con: Chị T, anh C có hai con chung là Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và cháu Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

-*Bị đơn anh Nông Thiết C trình bày*: Anh C xác nhận, anh C, chị T kết hôn hôn vào tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V và anh C, chị T có với nhau hai người con chung, cháu Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011. Trong quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn và hiện tại anh C đang đi học và hai con còn nhỏ, anh C mong muốn các con có cả cha và mẹ chăm sóc.

Trường hợp nêu phải ly hôn anh C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con. Về cấp dưỡng anh C đồng ý cấp dương nôi 02 con mỗi con là 4.000.000đ(Bốn triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung anh C, chị T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều: Điểm a khoản 2 Điều 227, 228,239,254 và Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị T đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh C chưa chấp hành hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nông Thiết C.

Về con: Chị T và anh C có hai người con là Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và cháu Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí HNST: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Nông T1 Cương các đương sự hiện cư trú thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 05-9-2024, Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu mở phiên Toà xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn anh Nông Thiết C được tống đạt giấy triệu tập, quyết định xét xử nhưng vắng mặt không lý do; nay anh C vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, không vì trở ngại khách quan; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tốt tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nông Thiết C.

[2] Về nội dung: Năm 2011, chị Nguyễn Thị Thu T và anh anh Nông T1 Cương đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị T, anh C là đúng quy định của pháp luật.

Chị T cho rằng trong quá trình chung sống chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân anh C thường xuyên ăn nhận và có quan hệ với người phụ nữ khác, đỉnh điểm ngày 20-11-2023, người phụ nữ quen anh C còn gọi Video cho chị T có nhiều đồng nghiệp của chị T chứng kiến. Anh C thì cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến múc phải ly hôn.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T, anh C cư trú, sinh sống cho biết nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì không rõ nhưng chị T, anh C không còn sống chung nữa.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nông T1 C là có thật đúng như chị T, anh C cho biết. Anh C cho rằng mâu thẫn chưa đến mức phải ly hôn nhưng anh C không chứng minh được cộc sống hôn nhân giữa anh C và chị T còn hạnh phúc, hiện anh C và chị T đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy; cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T; chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nông Thiết C.

Về con: Chị T, anh C có với nhau hai người con là Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011. Chị T, anh C có sự tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ khi chị T, anh C sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi hai con. Cháu N, cháu N1 có nguyện vọng ở với chị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy; hiện anh C đang đi học văn bằng hai tại Trường Đại học A tại thành phố T, Hồ Chí Minh do đó hạn chế việc chăm sóc, đưa đón con học tập; chị T hiện là giáo viên Trường tiểu học Lý Tự Trong thành phố V có điều kiện chăm sóc, dạy dỗ đưa đón con. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu N, cháu N1; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ giao hai cháu Nông Nguyễn Phúc N và cháu Nông Tâm N1 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con. Anh C cùng các thành viên trong gia đình tông trọng quyền được trực tiếp nuôi con của chị T; căn cứ các điều; Điều 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005568, ngày 22-4-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; chị T đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,57, 81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1]Tuyên xử:

[1.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nông Thiết C.

[1.2] Về con: Chị T, anh C có hai người con, là cháu Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và cháu Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011.

Giao hai con là Nông Nguyễn Phúc N, sinh ngày 10-12-2013 và cháu Nông Tâm N1, sinh ngày 12-9-2011 cho chị Nguyễn Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con. Anh C cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của chị T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005568, ngày 22-4-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp xong án phí.

[6] Quyền kháng cáo: Đương có mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt là 15 ngày tính từ ngày bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phườngThắng Tam, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc